

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 14-3-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thường.

2. Ông Ninh Ngọc Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 14/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐ-HSST ngày 02/3/2022 đối với bị cáo:

**Đặng Văn Đ** (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 16/01/1986, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn K, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1957; vợ Nông Thị G, sinh năm 1987; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/01/2005, Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi uống rượu say gây rối trật tự công cộng, cùng ngày đã chấp hành xong. Ngày 26/7/2005, Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi gây thương tích; cùng ngày đã chấp hành xong. Ngày 16/11/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng; chấp hành xong ngày 22/10/2007. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2021 đến ngày 25/10/2021 thì thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Lăng Văn M, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
2. Chị Lý Thị T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn G, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
4. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
5. Anh Trịnh Thanh T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
7. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số nhà 58, ngách 144, đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
8. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
9. Ông Hứa Văn L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
10. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
11. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
12. Anh Phạm Đức T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
13. Ông Phùng Văn V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 73, tổ 03, ấp 01, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt
14. Ông Nông Văn H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
15. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
16. Anh Lương Minh T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
17. Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
18. Anh Lương Văn G, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
19. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn G, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
20. Ông Bế Văn H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn G, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
21. Anh Hoàng Văn C2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
22. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

23. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
24. Chị Nông Thị G, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
25. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
26. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
27. Anh Lương Văn H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
28. Ông Phương Văn S, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
29. Bà Ngô Thị P, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
30. Anh Lê Thế T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
31. Anh Bàn Văn H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
32. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
33. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số nhà 05, ngõ 42, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt
- Người làm chứng: Anh Phùng Văn Đ. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Đặng Văn Đ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại nhà riêng ở thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và trực tiếp quản lý hoạt động của cửa hàng. Trong quá trình kinh doanh, Đặng Văn Đ nhận thấy nhiều người dân có nhu cầu vay tiền nên đã nảy sinh ý định cho vay với lãi suất cao hơn mức lãi suất quy định để kiếm lời.

Đặng Văn Đ sử dụng các mẫu hợp đồng cầm đồ đã được in sẵn những nội dung cần thiết, một số nội dung để trống để khi có người vay thì điền thông tin vào. Mỗi hợp đồng cầm đồ đều được ghi rõ thông tin người vay tiền gồm họ tên, địa chỉ và có thể là thông tin giấy tờ cá nhân, số tiền vay, ngày cho vay, ngày trả tiền, phần chữ ký của người vay tiền và của Đặng Văn Đ. Tùy theo, người vay tiền có mối quan hệ quen biết, số lượng tiền vay ít hay nhiều mà Đặng Văn Đ sẽ yêu cầu phải có tài sản thế chấp, thường là giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản, khi đó các thông tin này cũng sẽ được ghi vào hợp đồng. Thời gian ghi trong hợp đồng xác định theo âm lịch, 01 tháng tính từ ngày vay đến ngày trùng của tháng kế tiếp và quy ước một tháng là 30 ngày, không kể tháng đó đủ hay thiếu. Đối với một số khoản vay khi người vay trả tiền thì Đặng Văn Đ sẽ bớt đi một phần tiền lãi để làm tròn tiền, hoặc tùy

thuộc vào mối quan hệ của hai bên. Đặng Văn Đ và người vay tự thỏa thuận miệng lãi suất để thực hiện nghĩa vụ, nên Tất cả các hợp đồng không có nội dung thể hiện lãi suất.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Đặng Văn Đ đã cho 15 người vay tổng số tiền là 2.269.000.000 đồng (*hai tỷ, hai trăm, sáu mươi chín triệu đồng*) trong đó có nhiều lần cho cùng một người vay đi vay lại nhiều lần, với lãi suất từ 103,11%/năm đến 260,71%/năm, tức cao hơn 05 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Bị cáo đã thu được tổng số tiền lãi là 303.648.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu lợi bất chính (vượt quá 20%/năm) là 248.623.014 đồng (*hai trăm, bốn mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng*), cụ thể:

1. Lãng Văn M: Vay 17 lần, với tổng số tiền là 1.505.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi là 139.317.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (số tiền lãi hợp pháp) là 25.266.630 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 114.050.370 đồng, cụ thể:

- Lần 1, ngày 18/5/2019 âm lịch (tức ngày 20/6/2019 dương lịch) M vay 30.000.000 đồng, đến ngày 28/5/2019 âm lịch (tức ngày 30/6/2019 dương lịch), sau 10 ngày vay, trả tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, tương ứng 3000đ/1 triệu/1 ngày bằng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 900.000 đồng – 164.384 đồng = 735.616 đồng.

- Lần 2, ngày 16/6/2019 âm lịch (tức ngày 18/7/2019 dương lịch) M vay 20.000.000 đồng, đến ngày 26/6/2019 âm lịch (tức ngày 28/7/2019 dương lịch), sau 10 ngày vay, trả tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 600.000 đồng – 109.589 đồng = 490.411 đồng.

- Lần 3, ngày 13/8/2019 âm lịch (tức ngày 11/9/2019 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 14/9/2019 âm lịch (tức ngày 12/10/2019 dương lịch), sau 31 ngày vay, trả tiền gốc và 9.300.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 1.698.630 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 9.300.000 đồng – 1.698.630 đồng = 7.601.370 đồng.

- Lần 4, ngày 23/8/2019 âm lịch (tức ngày 21/9/2019 dương lịch) M vay 40.000.000 đồng, đến ngày 27/8/2019 âm lịch (tức ngày 25/9/2019 dương lịch), sau 04 ngày vay, trả 30.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 29.500.000 đồng và 500.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 114,06%/năm, gấp 5,703 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 87.671 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 500.000 đồng – 87.671 đồng = 412.329 đồng.

Ngày 13/9/2019 âm lịch (tức ngày 11/10/2019 dương lịch), sau 16 ngày, M trả nốt 10.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất 108,63%/năm, gấp 5,4315 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp

pháp được hưởng 92.055 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 500.000 đồng – 92.055 đồng = 407.945 đồng.

- Lần 5, ngày 02/9/2019 âm lịch (tức ngày 30/9/2019 dương lịch) M vay 50.000.000 đồng, đến ngày 02/10/2019 âm lịch (tức ngày 29/10/2019 dương lịch), sau 29 ngày, trả tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất 113,28%/năm, gấp 5,664 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 794.521 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 4.500.000 đồng – 794.521 đồng = 3.705.479 đồng.

- Lần 6, ngày 07/9/2019 âm lịch (tức ngày 05/10/2019 dương lịch) M vay 10.000.000 đồng nhưng không viết hợp đồng. Đến ngày 17/9/2019 âm lịch (tức ngày 15/10/2019 dương lịch) M vay thêm 30.000.000 đồng nên Đặng Văn Đ viết hợp đồng vay 40.000.000 đồng. Ngày 22/9/2019 âm lịch (tức ngày 20/10/2019 dương lịch) trả 30.000.000 đồng, gồm 29.100.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (*trong đó 300.000 đồng tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng tính từ ngày 07/9/2019 âm lịch đến ngày 17/9/2019 âm lịch; 600.000 đồng lãi của số tiền 40.000.000 đồng tính từ ngày 17/9/2019 âm lịch đến ngày 22/9/2019 âm lịch*), tương ứng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 54.795 đồng + 109.589 đồng = 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 900.000 đồng – 164.384 đồng = 735.616 đồng.

Ngày 17/10/2019 âm lịch (tức ngày 13/11/2019 dương lịch), sau 24 ngày, trả nốt 10.900.000 đồng tiền gốc còn lại và 817.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 113,99%/năm, gấp 5,699 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 143.342 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 817.000 đồng – 143.342 đồng = 673.658 đồng.

- Lần 7, ngày 02/10/2019 âm lịch (tức ngày 29/10/2019 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 02/11/2019 âm lịch (tức ngày 27/11/2019 dương lịch), sau 29 ngày, trả tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 113,28%/năm, gấp 5,664 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 1.589.041 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 9.000.000 đồng – 1.589.041 đồng = 7.410.959 đồng.

- Lần 8, ngày 07/10/2019 âm lịch (tức ngày 03/11/2019 dương lịch) M vay 60.000.000 đồng, đến ngày 08/10/2019 âm lịch (tức ngày 04/11/2019 dương lịch) vay thêm 80.000.000 đồng thì Đặng Văn Đ viết hợp đồng vay 140.000.000 đồng, nhưng không tính lãi 01 ngày vay của số tiền 60.000.000 đồng. Đến ngày 22/12/2019 âm lịch (tức ngày 16/01/2020 dương lịch), sau 73 ngày, M trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 31.080.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 111%/năm, gấp 5,55 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 5.600.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 31.080.000 đồng – 5.600.000 đồng = 25.480.000 đồng. Vài ngày sau, M trả nốt số tiền 40.000.000 đồng nên Đ không tính lãi.

- Lần 9, ngày 12/10/2019 âm lịch (tức ngày 08/11/2019 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 06/11/2019 âm lịch (tức ngày 01/12/2019

dương lịch), sau 23 ngày, M trả 7.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 111,09%/năm, gấp 5,5545 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 1.260.274 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 7.000.000 đồng – 1.260.274 đồng = 5.739.726 đồng.

Đến ngày 12/11/2019 âm lịch (tức ngày 07/12/2019 dương lịch), sau 6 ngày, M trả tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 1.800.000 đồng, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = 1.471.233 đồng.

- Lần 10, ngày 18/11/2019 âm lịch (tức ngày 13/12/2019 dương lịch) M vay 200.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2019 âm lịch (tức ngày 09/01/2020 dương lịch), sau 27 ngày, trả 98.000.000 đồng, trong đó trả tiền gốc là 82.000.000 đồng và tiền lãi là 16.000.000 đồng, tương ứng lãi suất là 108,15%/năm, gấp 5,4075 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 2.958.904 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 16.000.000 đồng – 2.958.904 đồng = 13.041.096 đồng.

Ngày 20/12/2019 âm lịch (tức ngày 14/01/2020 dương lịch) M vay thêm 60.000.000 đồng, tổng tiền gốc vay là 178.000.000 đồng, đến ngày 24/12/2019 âm lịch (tức ngày 18/01/2020 dương lịch), sau 04 ngày, M trả 80.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 78.000.000 đồng và tiền lãi là 2.100.000 đồng, tương ứng lãi suất là 107,65%/năm, gấp 5,382 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 390.137 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 2.100.000 đồng – 390.137 đồng = 1.709.863 đồng.

Đến ngày 29/12/2019 âm lịch (tức ngày 23/01/2020 dương lịch), sau 05 ngày, M trả 60.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng – 273.973 đồng = 1.226.027 đồng.

Đến ngày 30/12/2019 âm lịch (tức 24/01/2020 dương lịch) M trả nốt 40.000.000 đồng tiền gốc nên Đ không tính tiền lãi.

- Lần 11, ngày 03/02/2020 âm lịch (tức ngày 25/02/2020 dương lịch) M vay 80.000.000 đồng, đến ngày 08/02/2020 âm lịch (tức ngày 01/03/2020 dương lịch), sau 05 ngày, trả tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.200.000 đồng – 219.178 đồng = 980.822 đồng.

- Lần 12, ngày 09/02/2020 âm lịch (tức ngày 02/03/2020 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 19/02/2020 âm lịch (tức ngày 12/03/2020 dương lịch), sau 10 ngày, trả tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 547.945 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng – 547.945 đồng = 2.452.055 đồng.

- Lần 13, ngày 22/02/2020 âm lịch (tức ngày 15/03/2020 dương lịch) M vay 70.000.000 đồng, đến ngày 28/02/2020 âm lịch (tức ngày 21/03/2020 dương lịch), sau 06 ngày, trả tiền gốc và 1.260.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 230.137 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.260.000 đồng – 230.137 đồng = 1.029.863 đồng.

- Lần 14, ngày 02/03/2020 âm lịch (tức ngày 25/03/2020 dương lịch) M vay 75.000.000 đồng, đến ngày 06/03/2020 âm lịch (tức ngày 29/3/2020 dương lịch), sau 04 ngày, trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 900.000 đồng – 164.384 đồng = 735.616 đồng.

Đến ngày 02/04/2020 âm lịch (tức ngày 24/4/2020 dương lịch), sau 26 ngày, M trả nốt 70.000.000 đồng tiền gốc và 5.460.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 997.260 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.460.000 đồng – 997.260 đồng = 4.462.740 đồng.

- Lần 15, ngày 07/02/2020 âm lịch (tức ngày 29/02/2020 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 07/03/2020 âm lịch (tức ngày 30/3/2020 dương lịch), sau 30 ngày, trả tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.643.836 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng – 1.643.836 đồng = 7.356.164 đồng.

- Lần 16, ngày 04/3/2020 âm lịch (tức ngày 27/03/2020 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 14/4/2020 âm lịch (tức ngày 06/5/2020 dương lịch), sau 40 ngày, trả tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 2.191.781 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 12.000.000 đồng – 2.191.781 đồng = 9.808.219 đồng.

- Lần 17, ngày 01/4/2021 âm lịch (tức ngày 12/05/2021 dương lịch) M vay 100.000.000 đồng, đến ngày 01/6/2021 âm lịch (tức ngày 10/7/2021 dương lịch) trả 40.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi của 60 ngày là 18.000.000 đồng, còn thừa 2.000.000 đồng thì Đ giữ để trừ lãi tháng sau, do vậy tính tổng tiền lãi là 66 ngày, tương ứng lãi suất là 110,61%/năm, gấp 5,5305 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 3.616.438 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 20.000.000 đồng – 3.616.438 đồng = 16.383.562 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 80.000.000 đồng, đến nay Lãng Văn M chưa trả Đặng Văn Đ.*

2. Nguyễn Văn A: Vay 03 lần với tổng số tiền là 170.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi là 11.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.797.260 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 9.202.740 đồng, cụ thể:

- Lần 1, ngày 26/02/2021 âm lịch (tức ngày 07/4/2021 dương lịch) vay 20.000.000 đồng; ngày 26/3/2021 âm lịch (tức ngày 07/5/2021 dương lịch), sau 30 ngày, trả tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = 1.471.233 đồng.

- Lần 2, ngày 02/3/2021 âm lịch (tức ngày 13/4/2021 dương lịch) vay 80.000.000 đồng; ngày 02/4/2021 âm lịch (tức ngày 13/5/2021 dương lịch), sau 30 ngày, trả tiền gốc và 7.200.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.315.068 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 7.200.000 đồng – 1.315.068 đồng = 5.884.932 đồng.

- Lần 3, ngày 26/7/2021 âm lịch (tức ngày 02/9/2021 dương lịch) vay 70.000.000 đồng; ngày 30/7/2021 âm lịch (tức ngày 06/9/2021 dương lịch), sau 04 ngày, trả tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 260,71%/năm, gấp 13,0355 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 153.425 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng – 153.425 đồng = 1.846.575 đồng.

3. Hoàng Văn C: Vay 02 lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi 12.805.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp được hưởng 2.308.493 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 10.496.507 đồng, cụ thể:

- Ngày 12/5/2019 âm lịch (tức ngày 14/6/2019 dương lịch) C vay 10.000.000 đồng, đến ngày 12/8/2019 âm lịch (tức ngày 10/9/2019 dương lịch), sau 88 ngày, trả tiền gốc và 2.700.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 111,99%/năm, gấp 5,5995 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 482.192 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.700.000 đồng – 482.192 đồng = 2.217.808 đồng.

- Ngày 17/2/2020 âm lịch (tức ngày 10/3/2020 dương lịch) C vay 15.000.000 đồng, đến ngày 30/3/2020 âm lịch (tức ngày 22/4/2020 dương lịch), sau 43 ngày, trả 8.000.000 đồng tiền gốc và 1.935.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 353.425 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.935.000 đồng – 353.425 đồng = 1.581.575 đồng.

Khoản tiền gốc còn lại 7.000.000 đồng, Đ tính lãi mỗi tháng 630.000 đồng, sau đó C trả được 02 lần cho 13 kỳ lãi (sau 384 ngày) tổng 8.170.000 đồng, tương ứng lãi suất là 110,94%/năm, gấp 5,547 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.472.877 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.170.000 đồng - 1.472.877 đồng = 6.697.123 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 7.000.000 đồng, đến nay Hoàng Văn C chưa trả Đặng Văn Đ.*

4. Lý Thị T: Vay 01 lần. Ngày 24/8/2019 âm lịch (tức ngày 22/9/2019 dương lịch) vay 100.000.000 đồng; ngày 24/11/2019 âm lịch (tức ngày



19/12/2019 dương lịch), sau 88 ngày, T trả 27.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 111,99%/năm, gấp 5,5995 lần lãi suất được phép theo quy định. Ngày 25/8/2020 âm lịch (tức ngày 11/10/2020), sau 297 ngày, bố mẹ chồng của T là Bế Văn H, Nguyễn Thị T trả 70.000.000 đồng, Đ đã trừ 50.000.000 đồng vào tiền gốc và 20.000.000 đồng vào tiền lãi, tương ứng lãi suất là 24,58%/năm, chỉ gấp 1,229 lần lãi suất được phép theo quy định.

Do vậy, chỉ lần thu khoản lãi 27.000.000 đồng là hành vi phạm tội, trong đó tiền lãi hợp pháp được hưởng là 4.821.918 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 22.178.082 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 50.000.000 đồng, đến nay Lý Thị T chưa trả Đặng Văn Đ.*

5. Nguyễn Văn T: Vay 01 lần. Ngày 05/4/2020 âm lịch (tức ngày 27/4/2020 dương lịch) vay 50.000.000 đồng; ngày 06/5/2020 âm lịch (tức ngày 27/5/2020 dương lịch), sau 30 ngày, trả tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 821.918 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng – 821.918 đồng = 3.678.082 đồng.

6. Hoàng Văn L: Vay 01 lần. Ngày 04/02/2021 âm lịch (tức ngày 16/3/2021 dương lịch) L vay 50.000.000 đồng. Ngày 18/4/2021 dương lịch, L trả 4.500.000 đồng tiền lãi tháng đầu tiên; ngày 16/5/2021 dương lịch, L trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi tháng thứ 2, sau 60 ngày, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.643.836 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng – 1.643.836 đồng = 7.356.164 đồng.

Ngày 13/6/2021, sau 29 ngày, L trả 1.800.000 đồng tiền lãi tháng thứ nhất của số tiền 20.000.000 đồng, tương ứng lãi suất là 113,28%/năm, gấp 5,664 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 317.808 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 317.808 đồng = 1.482.192 đồng;

Ngày 16/7/2021 (Đ tính tròn là 30 ngày), L trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = 1.471.233 đồng.

Tổng tiền lãi thu được là 12.600.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp được hưởng là 2.290.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 10.309.589 đồng.

7. Trịnh Thanh T: Vay 01 lần. Ngày 25/3/2021 âm lịch (tức ngày 06/5/2021 dương lịch) T vay 10.000.000 đồng; ngày 25/5/2021 âm lịch (tức ngày 04/7/2021 dương lịch), sau 59 ngày, trả tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 111,36%/năm, gấp 5,568 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 323.288 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 323.288 đồng = 1.476.712 đồng.

8. Nguyễn Văn T1: Vay 01 lần. Ngày 05/02/2021 âm lịch (tức ngày 17/3/2021 dương lịch) T1 vay 20.000.000 đồng. Ngày 03/4/2021 âm lịch (tức ngày 14/5/2021 dương lịch), sau 58 ngày, trả tiền gốc và 3.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 110,13%/năm, gấp 5,5065 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 635.616 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng – 635.616 đồng = 2.864.384 đồng.

9. Nguyễn Thị Hồng L: Vay 01 lần. Ngày 24/8/2019 âm lịch (tức ngày 22/9/2019 dương lịch) L vay 60.000.000 đồng; đến ngày 24/11/2019 âm lịch (tức ngày 19/12/2019 dương lịch), sau 88 ngày, trả tiền gốc và 15.800.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,22%/năm, gấp 5,461 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 2.893.151 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 15.800.000 đồng – 2.893.151 đồng = 12.906.849 đồng.

10. Hoàng Văn K: Vay 01 lần. Ngày 28/4/2019 âm lịch (tức ngày 01/6/2019 dương lịch) K vay 11.000.000 đồng, thực nhận 9.000.000 do Đặng Văn Đ cắt lãi 02 tháng là 2.000.000 đồng. Đến ngày 26/12/2019 âm lịch (tức ngày 20/01/2020 dương lịch) trả 9.000.000 đồng tiền lãi của 09 tháng tiếp theo, tức lãi đến hết ngày 28/3/2020 âm lịch (20/4/2020 dương lịch). Sau 324 ngày, tương ứng lãi suất là 112,65%/năm, gấp 5,6325 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.952.877 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 11.000.000 đồng – 1.952.877 đồng = 9.047.123 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 11.000.000 đồng đến nay, Hoàng Văn K chưa trả Đặng Văn Đ.*

11. Hứa Văn L. Ngày 09/8/2020 âm lịch (tức ngày 25/9/2020 dương lịch) L vay 40.000.000 đồng. Ngày 22/8/2020 âm lịch (tức ngày 08/10/2020 dương lịch), sau 13 ngày, trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 1.560.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 284.932 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.560.000 đồng – 284.932 đồng = 1.275.068 đồng.

Ngày 19/8/2020 âm lịch (tức ngày 05/10/2020 dương lịch) L vay thêm 6.000.000 đồng, đến ngày 16/9/2020 âm lịch (tức ngày 01/11/2020 dương lịch), sau 27 ngày, trả 486.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 88.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 486.000 đồng – 88.767 đồng = 397.233 đồng.

Lúc này Đ và L thống nhất gộp chung thành 1 khoản nợ gốc 16.000.000 đồng, số tiền lãi của khoản 10.000.000 đồng từ trước không tính, bắt đầu tính lãi từ ngày 16/9/2020 âm lịch. Sau đó L trả được tổng 8.000.000 đồng tiền lãi của 06 tháng (177 ngày), tương ứng lãi suất là 103,11%/năm, gấp 5,1555 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.551.781 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng – 1.551.781 đồng = 6.448.219 đồng.

Tổng số tiền lãi thu được là 10.046.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.925.479 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.120.521 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 16.000.000 đồng, đến nay Hứa Văn L chưa trả Đặng Văn Đ.*

12. Phạm Đức T. Vay 01 lần. Ngày 25/4/2020 âm lịch (tức ngày 17/5/2020 dương lịch) vay số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 21/7/2020 dương lịch Thiện trả 50.000.000 tiền gốc và tiền lãi 02 tháng (60 ngày) là 27.000.000 đồng, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 4.931.507 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 27.000.000 đồng – 4.931.507 đồng = 22.068.493 đồng.

Ngày 18/8/2020 dương lịch, T trả cho Đ 9.000.000 đồng tiền lãi 01 tháng (30 ngày) của số tiền 100.000.000 đồng, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.643.836 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng – 1.643.836 đồng = 7.356.164 đồng. Khoảng tháng 9/2020 âm lịch, T trả 30.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền lãi đã thu là 36.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp được hưởng là 6.575.342 đồng, tiền lãi thu bất chính là 29.424.658 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 70.000.000 đồng, đến nay Phạm Đức T chưa trả Đặng Văn Đ.*

13. Phùng Văn V. Vay 01 lần. Ngày 21/9/2019 âm lịch (tức ngày 19/10/2019 dương lịch) V vay 20.000.000 đồng, Đ cắt 1.800.000 đồng tiền lãi tháng đầu (29 ngày, tính đến ngày 21/10/2019 âm lịch) nên thực nhận là 18.200.000 đồng, tương ứng lãi suất là 113,28%/năm, gấp 5,664 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 317.808 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 317.808 đồng = 1.482.192 đồng.

Ngày 21/01/2020 âm lịch (tức ngày 14/02/2020 dương lịch), sau 89 ngày, V đã trả cho Đ 5.400.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 110,73%/năm, gấp 5,5365 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 975.342 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.400.000 đồng – 975.342 đồng = 4.424.658 đồng.

Tổng số tiền lãi đã trả là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.293.151 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.906.849 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 20.000.000 đồng, đến nay Phùng Văn V chưa trả Đặng Văn Đ.*

14. Nông Văn H: Vay 01 lần. Ngày 08/6/2018 âm lịch (tức ngày 20/7/2018 dương lịch), H vay 40.000.000 đồng, nhưng Đ cắt lãi 03 tháng đầu (88 ngày, tính đến ngày 08/9/2018 âm lịch) là 10.000.000 đồng, thực nhận 30.000.000 đồng, tương ứng lãi suất là 103,69%/năm, gấp 5,1845 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 1.928.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng – 1.928.767 đồng = 8.071.233 đồng.

*Số tiền nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng, đến nay Nông Văn H chưa trả Đặng Văn Đ.*

15. Hoàng Văn S: Vay 01 lần. Ngày 19/6/2019 âm lịch (tức ngày 21/7/2019 dương lịch) S vay 12.000.000 đồng, đến 19/7/2019 âm lịch (tức ngày 17/8/2019 dương lịch), sau 29 ngày, trả tiền gốc và 1.080.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 113,28%/năm, gấp 5,1845 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 190.685 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.080.000 đồng – 190.685 đồng = 889.315 đồng.

Ngoài ra, Đặng Văn Đ khai nhận cho một số người khác vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày gồm: Triệu Văn T, sinh năm 1976, trú tại thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 06/7/2020 âm lịch vay 15.000.000 đồng; sau đó đã trả lãi được 02 tháng, tổng số tiền 2.700.000 đồng, tương ứng lãi suất là 111,36%/năm. Phương Thị T, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 04/9/2020 âm lịch (tức ngày 20/10/2020 dương lịch) T vay 30.000.000 đồng, nhưng chưa trả lãi lần nào. Lý Thị O sinh năm 1985, trú tại thôn P, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tháng 8/2021 âm lịch, O vay 200.000.000 đồng nhưng chưa trả lãi lần nào. Cơ quan điều tra đã triệu tập xác minh nhưng Triệu Văn T, Phương Thị T, Lý Thị O không có mặt tại nơi cư trú nên không lấy được lời khai; không thu được hợp đồng.

Đặng Văn Đ khai nhận còn cho một số người vay tiền với lãi suất từ trên 20%/năm đến dưới 100%/năm gồm: Lương Văn G sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hoàng Văn C1, sinh năm 1970, trú tại thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Lương Minh T, sinh năm 1976, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trần Văn L, sinh năm 1993, trú tại thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trương Văn Q, sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng những người này không có mặt tại địa phương.

Ngày 25/9/2021, cơ quan điều tra thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét nhà của Đặng Văn Đ thu giữ vật chứng:

- 01 điện thoại di động có gắn 02 sim, 03 quyển sổ, 06 tờ giấy, số tiền 98.500.000 đồng, 17 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 bản photo Chứng minh nhân dân của Phương Thị T và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị U.

- Ngày 05/12/2021, Đặng Văn Đ giao nộp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 497162; ngày 30/9/2021, Nguyễn Thị T giao nộp 01 Giấy biên nhận đề ngày 25/8/2020; ngày 16/11/2021, Lương Minh T giao nộp 01 Giấy nhận tiền đề ngày 09/11/2021; ngày 20/11/2021, Nguyễn Văn C giao nộp 01 Giấy nhận tiền đề ngày 10/10/2021.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 14/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố Đặng Văn Đ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, không oan; những người liên quan có mặt xác nhận sự việc đúng và đưa ra các yêu cầu, đề nghị liên quan đến số tiền gốc, lãi vay và vật chứng liên quan.

Tại phiên tòa, trong lời phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã bổ sung thêm một phần đối với số tiền gốc Đặng Văn Đ đã cho 15 người vay 2.209.000.000 đồng theo quyết định truy tố, sau khi xét hỏi làm rõ số tiền gốc đã cho vay được xác định tổng 2.269.000.000 đồng và đề nghị giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự

+ Tuyên bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Xử phạt bị cáo từ 15 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 40 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 40 đến 50 triệu đồng để sung Ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền Đặng Văn Đ dùng để phạm tội mà những người vay đã trả lại 1.975.000.000 đồng. Buộc những người vay tiền phải nộp lại số tiền gốc vay Đ chưa trả để sung ngân sách Nhà nước 294.000.000 đồng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Đặng Văn Đ đã thu của người vay là 55.024.986 đồng.

+ Buộc Đặng Văn Đ trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà Đ thực tế đã thu mà những người này và có yêu cầu trả lại gồm Lăng Văn M số tiền 114.050.370đ, Hoàng Văn K 9.047.123đ, Hứa Văn L 8.120.521đ, Nguyễn Thị Hồng L 12.906.849đ, Phạm Đức T 29.424.658đ, Hoàng Văn C 10.496.507đ, Lý Thị T 22.178.082đ. Tịch thu của Đặng Văn Đ sung ngân sách nhà nước đối với số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính mà người vay không yêu cầu lấy lại, không có mặt tại phiên tòa gồm Nguyễn Văn A số tiền 9.202.740đ, Nguyễn Văn T 3.678.082đ, Hoàng Văn L 10.309.589đ, Trịnh Thanh T 1.476.712đ, Nguyễn Văn T1 2.864.384đ, Phùng Văn V 5.906.849đ, Nông Văn H 8.071.233đ, Hoàng Văn S 889.315đ.

+ Trả lại Đặng Văn Đ: Số tiền số tiền 98.500.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Các GCNQSDĐ số CR 507225 mang tên Phương Văn S; CQ 107108 mang tên Triệu Văn T; BN 278349 mang tên Nông Thị G; BL 495393 mang tên Lã Văn T; BL 497651 mang tên Hoàng Văn C1; BL 497699 mang tên Lương Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5 không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp: 08 GCNQSDĐ gồm số BL 497162 mang tên Hứa Văn L; BL 495518, BL 495519 mang tên Nông Văn H; BL 497023 mang tên Phùng Văn V; BD 528133 mang tên Lý Văn X; BL 495556, BL 495557, BL 497738 mang tên Hoàng Văn K;

+ Trả Đặng Văn K (có mặt tại phiên tòa và yêu cầu lấy lại) các GCNQSDĐ số BL 498320, BV 886309, BV 886310; Trả Đặng Văn H (có mặt tại phiên tòa và yêu cầu lấy lại) GCNQSDĐ số BV 886297.

Đặng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối đáp. Lời nói sau cùng của bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương và cam kết tuân thủ đúng pháp luật.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo đề nghị xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng đã có lời khai, yêu cầu đề nghị của họ tại Cơ quan điều tra, được công bố lời khai tại phiên tòa. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tại phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đề nghị bổ sung số tiền 60.000.000 đồng được Lãng Văn M vay thêm trong món vay lần thứ 10 là phù hợp thực tế diễn biến quá trình vay và những tài liệu chứng cứ đã thu thập được tại hợp đồng vay đầu tiên ngày 13/12/2019 số tiền 200.000.000đ, sau đó đã trả gốc + lãi và đến ngày 14/01/2020 vay thêm 60.000.000 đồng, đây được xác định là số tiền cho vay qua 2 lần thể hiện trong hợp đồng là 260.000.000đồng trong tổng số tiền gốc bị cáo đã cho 15 người vay.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan, người làm chứng đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, Đặng Văn Đ đã cho 15 người vay tổng số tiền 2.269.000.000 đồng (số tiền gốc thực chất cho vay có thể ít hơn, bởi khi bị cáo cho vay là số tiền gốc + lãi quay vòng, trường hợp nhiều nhất là cho anh Lãng Văn M vay đi vay lại 17 lần; tuy nhiên theo quy định bị cáo vẫn phải

chịu trách nhiệm đối với mỗi lần cho vay có lãi suất vi phạm) với lãi suất từ 103,11%/năm đến 260,71%/năm, cao hơn 05 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm (gấp 5,155 đến 13,035 lần); bị cáo đã thu được tổng số tiền lãi là 303.648.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu lợi bất chính (vượt quá 20%/năm) là 248.623.014 đồng.

[5] Bị cáo cho người khác vay tiền dưới hình thức sử dụng các mẫu hợp đồng cầm đồ đã được in sẵn những nội dung cần thiết, một số nội dung để trống để khi có người vay thì điền thông tin vào. Tùy theo, người vay tiền có mối quan hệ quen biết, số lượng tiền vay ít hay nhiều, bị cáo sẽ yêu cầu phải có tài sản thế chấp và tất cả các hợp đồng không có nội dung thể hiện lãi suất, mà bị cáo và người vay tự thỏa thuận miệng lãi suất để thực hiện nghĩa vụ trả lãi nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, thấy rằng hành vi của bị cáo thực hiện tuy đơn giản về thủ tục cho vay tiền, nhưng thủ đoạn là cho vay lãi suất cao gấp nhiều lần so với lãi suất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích háo lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là hành vi làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, gây nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Đảm bảo căn cứ chứng minh bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[7] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo để xem xét, quyết định mức và cách thức chấp hành hình phạt:

[8] Về nhân thân: Từ năm 2005, khi bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ đã vi phạm hành chính và 02 lần bị xử phạt tiền, ngoài ra còn 01 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục, đều đã nộp phạt, chấp hành xong. Kể từ đó cho đến nay đã hơn 16 năm, bị cáo không tái phạm, không vi phạm pháp luật, đảm bảo quy định và hết thời hạn bị coi là đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính; hơn nữa hành vi phạm tội lần này không liên quan đến các sai phạm trước đây của bị cáo về việc gây rối, gây thương tích.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng (khung hình phạt cao nhất không quá 03 năm tù). Ngoài ra bị cáo tham gia đóng góp xây dựng nhà văn hóa thôn (số tiền 1.000.000đ), đóng góp xây dựng Đình làng (2.000.000đ), ủng hộ quỹ phòng,

chống dịch Covid – 19 (số tiền 500.000 đồng) và đóng góp ủng hộ các công trình phúc lợi, hoạt động khác tại nơi sinh sống có xác nhận của đoàn thể, chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (01 tình tiết) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Hình phạt chính: Bị cáo lần đầu tiên phạm tội với tính chất mức độ thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trong khi không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ với 2 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có công việc ổn định, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu bệnh tật, hiện đang nuôi 02 con nhỏ; vợ không có công việc lại đang mang thai con thứ ba. Xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tù (bị cáo phạm tội trong thời gian dài, cho nhiều người vay trên địa bàn rộng tại nơi cư trú và các xã lân cận), áp dụng trên mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách cải tạo tại địa phương, đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động nuôi sống gia đình, khắc phục các thiệt hại cho người liên quan và nộp phạt vào Ngân sách nhà nước theo quy quyết định của bản án này.

[12] Hình phạt bổ sung: Thực hiện nguyên tắc xử lý tội phạm tại Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo phạm tội vì mục đích kinh tế; kết quả xác minh thể hiện bị cáo có tài sản bao gồm tiền vật chứng bị thu giữ, quyền sử dụng đất và bất động sản có giá trị đảm bảo khả năng thi hành án. Do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền ở gần mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[13] Trong vụ án này, có một số khoản vay bị cáo tuy có sử dụng tờ giấy có tiêu đề là hợp đồng cầm đồ nhưng thực chất chính là giấy vay tài sản có các nội dung thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ theo quy định của một hợp đồng giao dịch dân sự. Quá trình điều tra xác định kể từ khi được cấp giấy phép, cơ sở kinh doanh cầm đồ của Đặng Văn Đ chưa có dấu hiệu vi phạm điều kiện, hoạt động theo đúng đăng ký kinh doanh; ngoài ra hồ sơ thể hiện bị cáo có nghề nghiệp duy nhất là dịch vụ cầm đồ, đây là nguồn kinh tế nuôi sống gia đình với 02 con nhỏ, vợ đang mang thai nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[14] Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cần áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm, cụ thể như sau:

[15] Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền gốc 2.269.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay, tuy nhiên đến thời điểm bị bắt bị cáo mới thu về được 1.975.000.000 đồng, còn 294.000.000 đồng là tiền 08 người liên quan chưa trả; xác định số tiền này là công cụ phương tiện thực hiện tội phạm nên cần truy thu



của Đặng Văn Đ và của những người liên quan vay nhưng chưa trả.

[16] Truy thu của Đặng Văn Đ số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự) mà bị cáo đã thu của những người vay tổng 55.024.986 đồng. Buộc Đặng Văn Đ trả lại số tiền 248.623.014 đồng thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của những người vay.

[17] Đối với quan điểm đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu của Đặng Văn Đ để nộp Ngân sách nhà nước đối với số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nhưng một số người vay không yêu cầu lấy lại, không có mặt tại phiên tòa (gồm Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn L, Trịnh Thanh T, Nguyễn Văn T1, Phùng Văn V, Nông Văn H, Hoàng Văn S) là chưa phù hợp, bởi đây là số tiền thực tế mà những người liên quan nêu trên bị thiệt hại do đã trả lãi cao cho bị cáo. Mặc dù họ không có mặt tại phiên tòa để đưa ra yêu cầu, nhưng đây là số tiền thuộc sở hữu hợp pháp của những người liên quan nên cần buộc bị cáo phải trả lại, đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và chính sách pháp luật hình sự.

[18] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội, gồm: 03 quyển sổ; 03 Giấy biên nhận đề các ngày 25/8/2020, 09/11/2021, 10/10/2021; 06 tờ giấy có tiêu đề Giấy chuyển nhượng đất, Giấy vay tiền mặt, Giấy cầm cố đất đai; 02 bản photocopy Chứng minh nhân dân của Phương Thị T và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị U.

[19] Trả lại cho Đặng Văn Đ số tiền 98.500.000 đồng (trong đó có 5.000.000 đồng là tiền nợ gốc Hoàng Văn C trả ngày 25/9/2021 và 93.500.000 đồng của vợ Nông Thị G đưa cho để đi mua đất) do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phương Văn S, Triệu Văn T, Nông Thị G, Lã Văn T, Hoàng Văn C1 và Lương Văn H; đây là các giấy tờ của người thân trong gia đình Đặng Văn Đ và một số giấy tờ là tài sản thế chấp cho các khoản vay khác không vi phạm, không liên quan đến hành vi phạm tội và hiện đang làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay. Trả lại cho Đặng Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 kèm 02 sim số vì chỉ sử dụng để liên lạc thông thường, không liên quan đến hành vi phạm tội.

[20] Trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp có yêu cầu được trả lại 12 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hứa Văn L, Nông Văn H, Phùng Văn V, Lý Văn X và Hoàng Văn K, Đặng Văn K và Đặng Văn H; đây là các giấy tờ Đặng Văn Đ giữ của những người vay tiền nêu trên, để làm tài sản thế chấp và có liên quan đến hành vi phạm tội.

[21] Con người, sự việc liên quan: Đối với lời khai của bị cáo Đặng Văn Đ về việc cho một số người khác vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày gồm: Triệu Văn T vay 15.000.000 đồng vào ngày 06/7/2020 âm lịch, sau

đó đã trả lãi được 02 tháng, tổng số tiền 2.700.000 đồng. Phương Thị T vay 30.000.000 đồng vào ngày 04/9/2020 âm lịch (tức ngày 20/10/2020 dương lịch), nhưng chưa trả lãi lần nào. Lý Thị O vay 200.000.000 đồng vào tháng 8/2021 âm lịch nhưng chưa trả lãi lần nào. Cơ quan điều tra đã triệu tập xác minh nhưng những người này không có mặt tại nơi cư trú nên chưa lấy được lời khai và không thu được hợp đồng nên chưa đủ căn cứ để có thể xem xét, xử lý trong cùng vụ án đối với các khoản vay này.

[22] Đối với lời tự khai của Đặng Văn Đ về việc cho một số người vay tiền với lãi suất từ trên 20%/năm đến dưới 100%/năm gồm: Lương Văn G, Hoàng Văn C1, Lương Minh T, Trần Văn L và Trương Văn Q; cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng những người này không có mặt tại địa phương nên chưa có căn cứ xem xét.

[23] Đối với Phạm Văn Đ khai nhận có được vài lần đi cùng Đặng Văn Đ đến nhà người vay tiền để đòi nợ; kết quả điều tra xác định, Phạm Văn Đ không biết việc cho vay lãi nặng, không có hành động, lời nói hoặc hành vi khác giúp sức cho Đ khi đòi nợ và không thu lời bất chính nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

[24] Án phí: Bị cáo là người bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[25] Căn cứ theo Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 (1 tình tiết) Điều 51; các Điều 38, 50 và Điều 65; các điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 123, 131, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; Điều 331 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ các Điều 3, 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **I. Tội danh và hình phạt.**

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/3/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo Đặng Văn Đ số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

## **II. Các biện pháp tư pháp và phần dân sự:**

1. Truy thu nộp Ngân sách nhà nước tổng số tiền 2.269.000.000đ (hai tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu đồng), trong đó:

- Truy thu của bị cáo Đặng Văn Đ số tiền 1.975.000.000đ (một tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Truy thu của những người liên quan gồm các anh Lăng Văn M số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), anh Hoàng Văn C số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), chị Lý Thị T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), anh Hoàng Văn K số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng), ông Hứa Văn L số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), anh Phạm Đức T số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), ông Phùng Văn V số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và của ông Nông Văn H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

2. Truy thu của Đặng Văn Đ số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay tổng số tiền là 55.024.986đ (năm mươi năm triệu, không trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

3. Buộc Đặng Văn Đ phải trả lại cho những người liên quan số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu tổng 248.623.014đ (hai trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng), cụ thể:

Trả cho anh Lăng Văn M số tiền 114.050.370đ (một trăm mười bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn, ba trăm bảy mươi đồng), anh Nguyễn Văn A

9.202.740đ (chín triệu, hai trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng), anh Hoàng Văn C 10.496.507đ (mười triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm linh bảy đồng), Lý Thị T 22.178.082đ (hai mươi hai triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), ông Nguyễn Văn T 3.678.082đ (ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), anh Hoàng Văn L 10.309.589đ (mười triệu, ba trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng), ông Trịnh Thanh T 1.476.712đ (một triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng), ông Nguyễn Văn T1 2.864.384đ (hai triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng), bà Nguyễn Thị Hồng L 12.906.849đ (mười hai triệu, chín trăm linh sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), ông Hoàng Văn K 9.047.123đ (chín triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng), ông Hứa Văn L 8.120.521đ (tám triệu, một trăm hai mươi nghìn, năm trăm mười hai đồng), ông Phạm Đức T 29.424.658đ (hai mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng), Phùng Văn V 5.906.849đ (năm triệu, chín trăm linh sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), ông Nông Văn H 8.071.233đ (tám triệu, không trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng), ông Hoàng Văn S 889.315đ (tám trăm, tám mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu trả hoặc chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền phải thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp không thỏa thuận được và có tranh chấp thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

### **III. Xử lý vật chứng:**

#### **1. Trả lại cho Đặng Văn Đ:**

- Số tiền 98.500.000đ (chín mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng) hiện đang được gửi giữ tại Kho bạc nhà nước huyện Hữu Lũng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Số CR 507225 mang tên Phương Văn S, số CQ 107108 mang tên Triệu Văn T, số BN 278349 mang tên Nông Thị G, số BL 495393 mang tên Lã Văn T, số BL 497651 mang tên Hoàng Văn C1, số BL 497699 mang tên Lương Văn H.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 76431, IMEI 2: 76423, trong điện thoại có gắn sim 1: 0397.651.469, sim 2: 0355.780.685.

**2. Trả lại cho những người liên quan các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:**

- Số BL 497162 cho ông Hứa Văn L.

- Các số BL 495518, BL 495519 cho ông Nông Văn H.
- Số BL 497023 cho ông Phùng Văn V.
- Các số BL 495556, BL 495557, BL 497738 cho ông Hoàng Văn K.
- Trả cho bà Lý Thị T 01 Giấy số BD 528133 mang tên ông Lý Văn X.
- Các số BL 498320, BV 886309, BV 886310 cho ông Đặng Văn K.
- Số BV 886297 cho ông Đặng Văn H.

*(Các vật chứng mục 1 + 2 + 3 được ghi chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/02/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).*

### **3. Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội:**

- 03 quyển sổ, trong đó 01 quyển bìa màu xanh ghi chữ cửa hàng cầm đồ Gia Bảo, từ trang 01 - 10 có viết chữ, số; 01 quyển bìa màu vàng ghi chữ Hợp đồng cầm đồ, có 08 tờ viết chữ, số; 01 quyển không có bìa, có 25 tờ viết chữ, số.
- 01 Giấy biên nhận đề ngày 25/8/2020, 01 Giấy nhận tiền đề ngày 09/11/2021, 01 Giấy nhận tiền đề ngày 10/10/2021.
- 06 tờ giấy có dòng kẻ ngang (trong đó 01 tờ tiêu đề Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 29/7/2011; 01 tờ tiêu đề Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 14/9/2013; 01 tờ tiêu đề Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 18/01/2018; 01 tờ tiêu đề Giấy vay tiền mặt đề ngày 21/4/2019; 01 tờ tiêu đề Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 30/7/2019; 01 tờ tiêu đề Giấy cầm cố đất đai đề ngày 10/7/2020);
- 01 bản photocopy Chứng minh nhân dân của Phương Thị T, 01 bản photocopy sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị U.

### **III. Án phí:**

Bị cáo Đặng Văn Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước.

### **IV. Quyền kháng cáo:**

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Mạnh Cường**